

## BẢNG GHI ĐIỂM THI

Sinh viên: **Nguyễn Hoàng Nam**

Ngày sinh: 11/03/1992 - Nơi sinh: Bà Rịa - Vũng Tàu

Lớp: 10111CLC

Mã SV: 10111152

Hệ đào tạo: Đại học - Chính quy (CN)

Ngành: Cơ Điện Tử

Trang 1

STT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm	Tín chỉ	Điểm
1	1001011	Toán cao cấp A1 (ĐHCQ)	07CLC	3	8.2
2	1001012	Toán cao cấp A2 (ĐHCQ)	54	3	5.8
3	1001013	Toán cao cấp A3 (ĐHCQ)	43	3	5.4
4	1001014	Toán cao cấp A4 (ĐHCQ)	06	2	7.0
5	1001020	Xác suất thống kê	42	3	7.1
6	1001030	Phương pháp tính	02	2	7.8
7	1001060	Hàm biến phức và PbdLaplace	03	2	5.8
8	1002011	Vật lý đại cương A1	34	3	6.9
9	1002012	Vật lý đại cương A2	16	2	6.4
10	1002013	Vật lý đại cương A3	03CL	3	6.0
11	1002022	Thí nghiệm vật lý	75	1	8.0
12	1003041	Hóa đại cương A1	47	3	6.1
13	1004010	Anh văn 1 (ĐHCQ)	78	4	8.8
14	1004020	Anh văn 2 (ĐHCQ)	08	4	7.4
15	1004030	Anh văn 3 (ĐHCQ)	08CL	4	7.3
16	1004096	Anh văn 4 (CLC-09)	08CL	3	6.2
17	1004097	Anh văn 5 (CLC-09)	08CL	3	6.8
18	1005020	Pháp luật đại cương	25CLC	2	7.6
19	1005030	Kinh tế học đại cương	02CLC	2	9.2
20	1005140	Đường lối CM của Đảng CSVN	09	3	7.0
21	1005150	Tư tưởng Hồ Chí Minh	38	2	6.3
22	1005280	Nhập môn xã hội học	03CLC	2	8.3
23	1008031	GD quốc phòng phần 1(ĐH)	01	1	6.0
24	1008032	GD quốc phòng phần 2(ĐH)	01	1	8.0
25	1008033	GD quốc phòng phần 3 (ĐH)	01	1	10.0
26	1008034	GD quốc phòng phần 4 (ĐH)	01	1	7.0
27	1013031	Giáo dục thể chất 1	88	1	7.1
28	1013032	Giáo dục thể chất 2	84	1	5.0
29	1013033	Giáo dục thể chất 3 (ĐH)	05CLC	3	6.0
30	1081021	Lập trình Visual Basic	22	5	9.0
31	1120010	Hình họa vẽ kỹ thuật (ĐH )	03	4	8.0
32	1120060	Auto CAD căn bản	04CL	2	8.5
33	1120061	Thực tập Auto CAD căn bản	39CL	1	8.9
34	1121011	Cơ lý thuyết	03	4	7.0
35	1121060	Thí nghiệm cơ học	09CL	1	8.0
36	1121080	Sức bền vật liệu	04CL	4	6.2
37	1123010	Nguyên lý - chi tiết máy	03CL	4	7.4
38	1124113	Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	01CL	3	8.1

GIAO

# BẢNG GHI ĐIỂM THI

Sinh viên: **Nguyễn Hoàng Nam**

Lớp: 10111CLC

Ngày sinh: 11/03/1992 - Nơi sinh: Bà Rịa - Vũng Tàu

Mã SV: 10111152

Trang 2

STT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm	Tin chi	Điểm
39	1125010	Dung sai kỹ thuật đo	03CL	2	8.3
40	1125011	TN đo lường cơ khí	27CL	1	8.5
41	1125060	Quản trị sản xuất và chất lượng	04CLC	2	7.0
42	1125090	An toàn lao động và môi trường CN	01CL	2	7.7
43	1125180	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	03CL	4	7.8
44	1126010	Vật liệu học 1	04CL	2	5.7
45	1126011	Thí nghiệm vật liệu học	22CL	1	7.0
46	1129010	Điều khiển tự động	02CL	3	8.2
47	1129021	TN Kỹ thuật cảm biến	05CL	1	7.8
48	1129030	Kỹ thuật số ứng dụng	01CLC	3	9.6
49	1129040	Điện tử công suất ứng dụng	01CL	2	8.0
50	1129050	Công nghệ thủy lực và khí nén	01CL	4	9.9
51	1129051	TN Công nghệ thủy lực và khí nén	15CL	1	8.7
52	1129053	Đò án truyền động thủy khí	02CL	1	8.4
53	1129100	T.kết và phát triển sản phẩm	11CLC	3	9.1
54	1129120	Kỹ thuật lập trình PLC(K08)	01CL	3	9.3
55	1129130	Kỹ thuật cảm biến (từ k08)	01CL	2	7.8
56	1129270	Thí nghiệm Điều khiển tự động	02CL	1	9.0
57	1129351	TT Lập trình PLC (Hướng CN, TK)	20CL	1	8.3
58	1132040	Kỹ thuật nhiệt	02	2	7.0
59	1144010	Kỹ thuật điện	21	3	7.8
60	1162011	Kỹ thuật điện tử (CDT,CTD)	01CL	3	7.5
61	1225101	Công nghệ CAD/CAM/CNC cơ bản	32CLC	2	6.6
62	1225102	TN công nghệ CAD/CAM/CNC cơ bản	75CLC	1	8.4
63	1225164	TT CNC	05CLC	1	6.4
64	1225300	Quản lý dự án (Hướng CN, TK, HT, SP)	24CLC	2	8.5
65	1229030	Truyền động điện	01CL	3	7.3
66	1229031	TT Truyền động điện (CDT)	06CL	1	9.0
67	1229060	L.trình ứ.dụng trong kỹ thuật	01CL	3	9.8
68	1229061	TT LT ứ.dụng trong kỹ thuật	09CL	1	9.5
69	1229070	TT Điện tử công suất (CDT)	09CL	1	9.5
70	1229080	Mạng truyền thông công nghiệp (Hướng HT CDT)	06CLC	2	7.0
71	1229110	Vi điều khiển ứng dụng	18CLC	3	6.6
72	1229111	TN Vi điều khiển ứng dụng	44CLC	1	10.0
73	1229130	Robot công nghiệp (Hướng TK)	01CL	2	6.7
74	1229140	Hệ thống cơ điện tử (CDT)	08CLC	3	6.2
75	1229141	Đò án môn học Hệ thống CDT	14CLC	1	9.0
76	1229260	Servo điện-thủy-khi	01CL	2	6.0
77	1229261	TN servo điện-thủy-khi	15CLC	1	7.9
78	1229370	Khóa luận tốt nghiệp CDT	01CLC	7	8.5
79	1229400	Thí nghiệm Robot công nghiệp (Hướng TK)	21CL	1	9.0

## BẢNG GHI ĐIỂM THI

Sinh viên: **Nguyễn Hoàng Nam**  
 Lớp: 10111CLC

Ngày sinh: 11/03/1992 - Nơi sinh: Bà Rịa - Vũng Tàu  
 Mã SV: 10111152

Trang 3

STT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm	Tín chỉ	Điểm
80	1229480	Hệ thống điều khiển quá trình (Hướng HT CDT)	06CLC	2	6.0
81	1229481	TN Hệ thống d.kiểm quá trình (Hướng HT CDT)	15CLC	2	8.0
82	1329350	TT tốt nghiệp (CDT)	05CLC	3	8.0
83	1826080	TT hàn hơi	13	1	6.0
84	1826090	TT Hàn điện	13	1	7.0
85	1827010	TT nguội	29	2	7.0
86	1827020	TT tiện qua ban	31CL	3	8.0
87	1827030	TT phay qua ban	08CL	2	8.5
88	1990090	Nhập môn logic học	08	2	8.0
89	LLCT150105	Những ngly cơ bản CN Mác-Lênin	29CLC	5	7.5

Tổng số tín chỉ đạt chung: 195

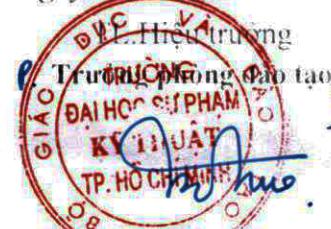
Điểm rèn luyện tích lũy: 80

Điểm trung bình chung: 7.68

Phân loại rèn luyện: Tốt

Phân loại tốt nghiệp: Khá

Ngày 16 tháng 9 năm 2014



TS. Lê Thanh Phúc

